

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TRƯỜNG YÊN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TRƯỜNG YÊN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG YEN INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TRUONG YEN INV .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108644955

3. Ngày thành lập: 12/03/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 68 Bùi Thị Xuân, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 093.812.2099

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210
2.	Khai thác gỗ	0220
3.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
4.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
5.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
6.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
7.	Khai thác và thu gom than non	0520
8.	Khai thác dầu thô	0610
9.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
10.	Khai thác quặng sắt	0710
11.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
12.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
13.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
14.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
15.	Khai thác muối	0893
16.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
18.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
19.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
20.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
21.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
22.	Thu gom rác thải độc hại	3812
23.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821

24.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
25.	Tái chế phế liệu	3830
26.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
27.	Xây dựng nhà để ở	4101
28.	Xây dựng nhà không để ở	4102
29.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
30.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
31.	Xây dựng công trình điện	4221
32.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
33.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
34.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
35.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
36.	Phá dỡ	4311
37.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
38.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
39.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
40.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329(Chính)
41.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
42.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
43.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
44.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
45.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ đấu giá ô tô và xe có động cơ khác)	4513
46.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
47.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đấu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác)	4530
48.	Bán mô tô, xe máy (trừ đấu giá mô tô, xe máy loại mới và loại đã qua sử dụng)	4541
49.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
50.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ đấu giá phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy)	4543
51.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ Hoạt động của các đấu giá viên)	4610
52.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
53.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
54.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
55.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

56.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
57.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
58.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
59.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
60.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
61.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
62.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
63.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
64.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
65.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
66.	Bốc xếp hàng hóa	5224
67.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
68.	Cơ sở lưu trú khác	5590
69.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
70.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
71.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
72.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
73.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
74.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản Dịch vụ tư vấn bất động sản Dịch vụ quản lý bất động sản Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản	6820
75.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
76.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
77.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động đo đạc và bản đồ Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước	7110
78.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
79.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
80.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
81.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
82.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
83.	Quảng cáo	7310

84.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
85.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
86.	Cho thuê xe có động cơ	7710
87.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
88.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
89.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
90.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
91.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ hoạt động của trung tâm giới thiệu việc làm)	7810
92.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
93.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
94.	Đại lý du lịch	7911
95.	Điều hành tua du lịch	7912
96.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
97.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
98.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
99.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
100.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
101.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
102.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
103.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
104.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)	8230
105.	Dịch vụ đóng gói	8292
106.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ Hoạt động đầu giá độc lập)	8299
107.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
108.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao Chi tiết: Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	9312
109.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
110.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất chuyên dụng	7410

6. Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:**8. Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG YÊN HOLDINGS	Số 68, Bùi Thị Xuân, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.000.000	20.000.000.000	40,000	0108041812	
			Tổng số	2.000.000	20.000.000.000	40,000		
2	NGUYỄN THỊ ÁI TRÀ	34A Lý Nam Đế, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	10,000	046174000336	
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	10,000		
3	ĐỖ VĂN QUÂN	29 đường số 5, Phường 7, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.500.000	15.000.000.000	30,000	024932892	
			Tổng số	1.500.000	15.000.000.000	30,000		
4	PHẠM QUANG NGỌC	Xóm 12, Xã Xuân Hòa, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000.000	10.000.000.000	20,000	162959845	
			Tổng số	1.000.000	10.000.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **ĐỖ VĂN QUÂN**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: *12/12/1976*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *024932892*

Ngày cấp: *03/04/2008*

Nơi cấp: *Công an TP Hồ Chí Minh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *29 đường số 5, Phường 7, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *29 đường số 5, Phường 7, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*